TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4957/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 874/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6472/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7528/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà DDTN

Địa chỉ: 18/21/29 khu phố 4, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông PBT

Địa chỉ: 39 đường số 9, phường LB, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà DDTN trình bày:

Bà DDTN và ông PBT tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2019 ngày 15/10/2019**.** Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thể chung sống được với nhau, bà N và ông T đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không thể hoà giải đoàn tụ được với nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 người con chung tên PGB, sinh ngày 10/11/2020. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung PGB, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà N trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông PBT đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà N vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn ông T vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà DDTN được ly hôn với ông PBT; Về con chung: bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung PGB, sinh ngày 10/11/2020. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án nếu có đương sự có yêu cầu. Án phí hôn nhân và gia đình bà N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông PBT, cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bà N đề nghị xét xử vắng mặt, ông T được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì bà N và ông T đã chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2019 ngày 15/10/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân:

Quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T đến Tòa án để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Do vậy, bà N yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung:

Xét trẻ PGB hiện đang sống chung với mẹ là bà N, do bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu nuôi con chung, điều đó thể hiện ông T không quan tâm đến vấn đề chăm lo cho các con chung. Do đó, việc giao các con chung PGB, sinh ngày 10/11/2020 cho bà N nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cho trẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có nhưng không có ý kiến phản hồi của ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí 300.000 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà DDTN và ông PBT.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2019 ngày 15/10/2019 do Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà DDTN và ông PBT không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao người con chung tên PGB, sinh ngày 10/11/2020 cho bà DDTN trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự việc bà N không yêu cầu ông PBT cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà DDTN phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà DDTN đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026238 ngày 11/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà DDTN đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án NDTPHCM;
- Viện KSND TP. Thủ Đức;
- CCTHA DS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT

Trương Thị Thu Hiền